

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
					10%				30%	60%	100%		
						1 1							
1	2012719032	Huỳnh Thị Tú	Anh	N20DLK1	10	7	6		6.5	5.0	6.0	Sáu	
2	2013719033	Nguyễn Công	Định	N20DLK1	8	7	6		6.5	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
3	2012719037	Đặng Thùy	Dung	N20DLK1	8	6.5	6.5		6.5	7.0	7.0	Bảy	
4	2012719040	Đỗ Thị Ngân	Hà	N20DLK1	7	5	5		5.0	6.5	6.1	Sáu phẩy Một	
5	2012719041	Tôn Nữ Ngọc	Hằng	N20DLK1	4	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
6	2013719044	Trần Đình	Huy	N20DLK1	10	9.5	9.5		9.5	9.0	9.3	Chín phẩy Ba	
7	2013719047	Nguyễn Đăng	Khánh	N20DLK1	8	7.5	7.5		7.5	6.5	7.0	Bảy	
8	2013719048	Nguyễn Anh	Khoa	N20DLK1	8	6	7		6.5	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
9	2013719051	Nguyễn Thành	Long	N20DLK1	8	5	5		5.0	5.0	5.3	Năm phẩy Ba	
10	2013719053	Dương Tấn	Luân	N20DLK1	8	6	6		6.0	7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
11	2012719056	Nguyễn Thị Trà	My	N20DLK1	8	8	8		8.0	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
12	2013719058	Nguyễn Thế Kỳ	Nam	N20DLK1	8	5	6		5.5	6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
13	2012719059	Huỳnh Thị Kim	Nga	N20DLK1	8	8	8		8.0	6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
14	2013719063	Lê Nguyễn Kim	Phương	N20DLK1	7	6	6		6.0	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
15	2012719065	Võ Thị Bạch	Phượng	N20DLK1	7	5	5		5.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
16	2012719068	Lê Bảo	Thanh	N20DLK1	10	9	8		8.5	6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
17	2013719070	Nguyễn Văn	Thiện	N20DLK1	10	9	9		9.0	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	
18	2012719073	Nguyễn Ngọc	Tịnh	N20DLK1	7	8	8		8.0	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
19	2013719076	Phan Minh	Trường	N20DLK1	8	7	8		7.5	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
20	2012719077	Phan Nguyễn Mộng	Tuyền	N20DLK1	10	7	7		7.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
21	2012719078	Đặng Thị Khánh	Vân	N20DLK1	9	5	6		5.5	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
22	2012719030	Võ Thị Tố	Anh	N20DLK2	7	6.5	6.5		6.5	5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
23	1913711410	Nguyễn Đình	Bá	N20DLK2	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
24	2013719034	Phạm Quang	Định	N20DLK2	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
25	2013719038	Lê Phúc	Duy	N20DLK2	9	6	7		6.5	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
26	2012719042	Hà Thị Minh	Hảo	N20DLK2	9	7	6		6.5	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
27	2012719043	Nguyễn Mai	Hương	N20DLK2	10	7	7		7.0	5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
28	2012719046	Phạm Ngọc	Khanh	N20DLK2	7	7	7		7.0	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
29	2012719049	Trịnh Thị Thùy	Lâm	N20DLK2	10	7	8		7.5	7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
30	2012719054	Lê Thị Phương	Mai	N20DLK2	10	9	10		9.5	8.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
31	2013719060	Trịnh Hữu	Nhân	N20DLK2	10	7.5	7.5		7.5	7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
32	2012719061	Nguyễn Lê Yến	Ni	N20DLK2	10	8	7		7.5	6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
33	2013719062	Lê Duy	Pháp	N20DLK2	7	6	8		7.0	7.0	7.0	Bảy	
34	2013719067	Phạm Văn	Sơn	N20DLK2	9	6.5	6.5		6.5	5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
35	2012719071	Lê Thị Hoài	Thu	N20DLK2	7	7	7		7.0	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
36	2012719072	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	N20DLK2	9	9	10		9.5	8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
37	2013719074	Nguyễn Ngọc	Toàn	N20DLK2	8	7	8		7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
38	1913711527	Phạm Nguyễn Minh	Trí	N20DLK2	8	6	6		6.0	5.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
39	2012719080	Võ Thị Ngọc	Vi	N20DLK2	2	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				BẢNG GHI ĐIỂM											
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN								Lớp: N20DLK			
TÊN MÔN: ANH NGỮ 3												Tín chỉ: 2			
MÃ MÔN: ENG2201												Học kì: 3			
Ngày thi: 06/10/2015												Lần thi: 1			
TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú		
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ			
40	2013719081	Phan Nhật Vỹ	N20DLK2	6	6.5	7.5			7.0	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín			
41	2012719082	Hồ Thị Hải Yến	N20DLK2	8	5	5			5.0	7.0	6.5	Sáu phẩy Năm			
1	1813219500	Nguyễn Thành Đồng	N19KDN	7	5	6			5.5	6.0	6.0	Sáu	98611		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	38	90%	
2	Số sinh viên nợ	4	10%	
TỔNG CỘNG :		42	100%	

				Đà Nẵng, ngày 14 tháng 10 năm 2015			
LẬP BẢNG		KIỂM TRA		LÃNH ĐẠO KHOA		PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH	
		(ký và ghi rõ họ tên)		(ký và ghi rõ họ tên)		(ký và ghi rõ họ tên)	
Nguyễn Thị Kim Phượng				ThS. Nguyễn Ân			